

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TRẮNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 30/2024/HS-ST
Ngày 24-4-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẮNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Minh Thư.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Minh Lý;

Ông Nguyễn Xuân Tươi.

- **Thư ký phiên toà:** Ông Huỳnh Tấn Lộc – Thư ký Toà án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên toà:** Bà Lê Huỳnh Như Nguyễn – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 26/2024/TLST-HS ngày 01 tháng 4 năm 2024; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2024/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 4 năm 2024 đối với bị cáo:

Phạm Thanh H, sinh năm 1996, tại tỉnh Tây Ninh; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: ấp TĐ, xã TL, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: làm mướn; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn H và bà Võ Thị Y; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 02/11/2011 bị Ủy ban nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, thời hạn 24 tháng (đã chấp hành xong); bị cáo bị bắt tạm giam ngày 17/12/2023 đến nay; có mặt tại phiên tòa.

- **Bị hại:** chị Nguyễn Thị Ngọc B, sinh năm 1989; địa chỉ: ấp TT, xã TL, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh (đã chết).

Người đại diện hợp pháp của bị hại:

1/ Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1984; cư trú tại: ấp TT, xã TL, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

2/ Ông Nguyễn Công Tr, sinh năm 1964; cư trú tại: khu phố M, thị trấn TC, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

3/ Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1965; cư trú tại: ấp TT, xã TL, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Bà Trần Thị Ph, sinh năm 1961; cư trú tại: khu phố LT, phường GL, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

2/ Anh Trương Khắc Ch, sinh năm 1987; chị Lê Thị CT, sinh năm 1989; cư trú tại: khu phố RS, thị trấn GD, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 05 giờ 00 ngày 31/8/2023, Phạm Thanh H không có giấy phép lái xe theo quy định, điều khiển xe mô tô biển số 67K3-...77 chở chị Nguyễn Thị Ngọc B từ quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh về nhà của chị B tại ấp TT, xã TL, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh. Khi H điều khiển xe đến khu vực đường Tỉnh lộ 782 thuộc khu phố LT, phường GL, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, do H quay mặt nhìn về phía sau để điều chỉnh balo để giữa H và chị B, không quan sát phía trước, không đảm bảo khoảng cách an toàn nên va chạm vào phía sau xe mô tô biển số 70F1-....75 do bà Trần Thị Ph điều khiển chở sau cháu Trương Đại D (sinh năm 2017, ngụ khu phố LT, phường GL, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh) lưu thông cùng chiều phía trước làm bà Ph, cháu D, chị B và H té ngã xuống đường. Chị B bị thương nặng nên được đưa đi cấp cứu, điều trị tại bệnh viện Củ Chi đến ngày 03/9/2023 thì tử vong.

- Tại Bản Kết luận giám định pháp y về tử thi số 172/KLGĐTT-TTPYTN ngày 23/10/2023 của Trung tâm pháp y tỉnh Tây Ninh kết luận: Nguyễn Thị Ngọc B bị chấn thương sọ não do tai nạn giao thông dẫn đến tử vong.

- Kết luận định giá tài sản số 79/KL-HĐĐGTS ngày 15/11/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã Trảng Bàng, kết luận: các bộ phận bị hư hỏng của xe mô tô nhãn hiệu Vision, màu sơn trắng, biển số 70F1-....75, dung tích xilanh 198cm³, số khung RLHJF***49, số máy JF58E0***51, có giá trị thiệt hại là 930.000 đồng.

Cáo trạng số 26/CT-VKSTrB ngày 29 tháng 3 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh đã truy tố Phạm Thanh H về tội: “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng đã truy tố.

Người đại diện hợp pháp của bị hại :

- *Anh Nguyễn Văn Đ trình bày:* anh là chồng của chị Nguyễn Thị Ngọc B. Sau khi chị B bị tai nạn giao thông và tử vong thì anh là người tổ chức mai táng cho chị B. Nay anh yêu cầu bị cáo bồi thường chi phí mai táng là số tiền 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng. Tại phiên tòa, anh thay đổi yêu cầu bồi thường do thấy hoàn cảnh của bị cáo khó khăn nên anh chỉ yêu cầu bị cáo bồi thường cho anh số tiền 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng, ngoài ra anh không yêu cầu bồi thường gì thêm và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- *Ông Nguyễn Công Tr trình bày:* thống nhất với lời trình bày và ý kiến của anh Đ. Ông chỉ yêu cầu bị cáo bồi thường cho anh Đ số tiền 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Trong phần tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hình phạt: căn cứ điểm a khoản 2 Điều 260; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Thanh H từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Về hình phạt bổ sung: đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: buộc bị cáo có nghĩa vụ bồi thường cho người đại diện hợp pháp của bị hại số tiền 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng .

- Về xử lý vật chứng: căn cứ Điều 46 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự, đề nghị xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không tranh luận.

Người đại diện hợp pháp của bị hại không tranh luận.

Lời nói sau cùng của bị cáo: bị cáo đã biết hành vi của mình là sai và bị cáo rất hối hận, xin Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo mức án thấp để bị cáo sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Trảng Bàng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bị hại là bà Nguyễn Thị L vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Trong quá trình điều tra đã thể hiện rõ lời khai, ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và việc vắng mặt này không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 292 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Thanh H đã khai nhận hành vi như sau:

Vào khoảng 05 giờ 00 phút ngày 31/8/2023 trên tỉnh lộ 782 thuộc khu phố LT, phường GL, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, Phạm Thanh H không có giấy phép lái xe theo quy định, điều khiển xe mô tô biển số 67K3-...77 chở chị Nguyễn Thị Ngọc B lưu thông trên đường nhưng không chú ý quan sát phía trước, không đảm bảo khoảng cách an toàn đã gây tai nạn giao thông với xe mô tô biển số 70F1-...75 lưu thông cùng chiều phía trước trên làn đường xe mô tô đúng quy định, làm chị B té ngã xuống đường và tử vong. Hành vi của bị cáo đã vi phạm khoản 9 Điều 8 và khoản 1 Điều 12 Luật Giao thông đường bộ, gây tai nạn giao thông, hậu quả làm chị B tử vong.

Xét lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản khám nghiệm phương tiện, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án và đúng như Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố. Bị cáo không có giấy phép lái xe theo quy định, điều khiển xe mô tô lưu thông trên đường nhưng không chú ý quan sát phía trước, không đảm bảo khoảng cách an toàn dẫn đến tai nạn giao thông, nguyên nhân chính gây ra tai nạn là do bị cáo. Như vậy, có đủ cơ sở để xác định: hành vi của bị cáo Phạm Thanh H phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự.

[3] Vụ án mang tính chất rất nghiêm trọng, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến an toàn giao thông đường bộ, gây thiệt hại cho sức khỏe, tính mạng của người khác được pháp luật bảo vệ. Do đó cần xử phạt

bị cáo mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo, đồng thời có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

[4] Khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử còn xem xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo. Cụ thể:

Về tình tiết tăng nặng: bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ: trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của bị cáo; tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bị hại xem xét bị cáo có hoàn cảnh khó khăn nên đã thay đổi số tiền bồi thường thiệt hại và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, thể hiện được sự tự nguyện hòa giải giữa các bên. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo từng bị Ủy ban nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng (đã hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính), sau khi chấp hành xong trở về địa phương thì bị cáo đã tự tu dưỡng, rèn luyện bản thân, phấn đấu lao động phụ giúp gia đình. Bị cáo phạm tội lần đầu và có hoàn cảnh gia đình khó khăn; bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên có căn cứ áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

[5] Về hình phạt bổ sung: không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về các biện pháp tư pháp:

[6.1] Về trách nhiệm dân sự: căn cứ vào Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 591 Bộ luật Dân sự.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của chị B là anh Nguyễn Văn Đ và ông Nguyễn Công Tr thay đổi yêu cầu bồi thường thiệt hại đối với bị cáo, cụ thể anh Đ, ông Tr chỉ yêu cầu bị cáo bồi thường cho anh Đ số tiền 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm; bị cáo cũng đồng ý bồi thường số tiền 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng cho anh Đ. Xét thấy sự thỏa thuận này là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và không trái với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận, buộc bị cáo có nghĩa vụ bồi thường cho anh Đ số tiền 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng.

Đối với thương tích của bà Trần Thị Ph và cháu Trương Đại D chỉ bị thương tích phần mềm và có đơn từ chối giám định nên không xem xét xử lý.

Ghi nhận bà Trần Thị Ph và anh Trương Khắc Ch, chị Lê Thị CT (là người đại diện hợp pháp của cháu D) không yêu cầu bị cáo bồi thường.

[6.2] Về xử lý vật chứng: căn cứ Điều 46 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Đối với 01 (một) xe mô tô kiểu dáng Wave, màu sơn trắng, biển số 67K3-...77, dung tích xilanh 108cm³, số máy VLKZS1P50FMH00026378, số khung VLKPCH022LK026378: qua điều tra xác minh xe mô tô này là tài sản của bị cáo nên trả lại cho bị cáo.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tại phiên tòa về tội danh, các tình tiết giảm nhẹ là có căn cứ.

Đối với bà Trần Thị Ph điều khiển xe mô tô không có giấy phép lái xe, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Trảng Bàng đã chuyển hồ sơ và phương tiện đến Công an thị xã Trảng Bàng xử lý theo quy định là phù hợp.

[8] Về án phí: bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm về trách nhiệm bồi thường thiệt hại là 15.000.000 đồng x 5% = 750.000 (bảy trăm năm mươi nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 260; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54, Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Phạm Thanh H 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng** tù về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 17/12/2023.

2. Về các biện pháp tư pháp:

[2.1] Về trách nhiệm dân sự: căn cứ vào Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 591 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Phạm Thanh H có nghĩa vụ bồi thường cho người đại diện hợp pháp của bị hại Nguyễn Thị Ngọc B là anh Nguyễn Văn Đ số tiền 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền phải thi hành án, thì hàng tháng người phải thi hành án phải trả cho người được thi hành án tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự.

[2.2] Về xử lý vật chứng: căn cứ Điều 46 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Trả cho bị cáo 01 (một) xe mô tô kiểu dáng Wave, màu sơn trắng, biển số 67K3-...77, dung tích xilanh 108cm³, số máy VLKZS1P50FMH00026378, số khung VLKPCH022LK026378.

3. Án phí: căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Phạm Thanh H phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 750.000 (bảy trăm năm mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về bồi thường thiệt hại.

4. Về quyền kháng cáo: bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT.TANDTC (Vụ 1);
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao TP.HCM;
- Phòng KTNV. TATTN;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Cơ quan Thi hành án Hình sự;
- Phòng lý lịch Sở Tư pháp tỉnh Tây Ninh;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Minh Thư